

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CÀ MAU  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 181/2022/DS-ST

Ngày 25 – 7 – 2022

“V/v Chia tài sản chung,  
Chia thừa kế quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Việt Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Trọng Tâm

Bà Vũ Thị Mỹ Linh

**- Thư ký phiên toà:** Bà Trần Thúy Kiều – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên toà:**  
Bà Trần Thị Kim Luyện - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và 25 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 153/2021/TLST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2021 về việc “Chia tài sản chung, chia thừa kế quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2022/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Lê Thị T, sinh năm 1958

Nơi cư trú số 52B Trương Phùng X, khóm 6, phường 8, thành phố C, tỉnh C.

**Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:** Anh Nguyễn Thái T3, sinh năm 1989. Nơi cư trú số 52B Trương Phùng X, khóm 6, phường 8, thành phố C, tỉnh C (có mặt).

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Thái T4, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Nơi cư trú số 52B Trương Phùng X, khóm 6, phường 8, thành phố C, tỉnh C.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:**

1/ Anh Nguyễn Thái T1, sinh năm 1979 (có mặt)

2/ Chị Nguyễn Hồng T2, sinh năm 1982 (có mặt)

3/ Anh Nguyễn Thái T3, sinh năm 1989 (có mặt)

4/ Chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1978 (vắng mặt)

5/ Chị Nguyễn Thị T5, sinh năm 1988 (vắng mặt)

6/ Anh Đặng Ngọc N, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: Số 52B Trương Phùng X, khóm 6, phường 8, thành phố C, tỉnh C.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn trình bày:* Ông Nguyễn Thái H và Lê Thị T có tất cả bốn người con gồm: Nguyễn Thái T1, Nguyễn Hồng T2, Nguyễn Thái T4, Nguyễn Thái T3. Ông H và bà T không có con nuôi, cha mẹ Ông H đều đã chết.

Quá trình chung sống, Ông H với bà T đã tạo lập được phần đất diện tích 18.981m<sup>2</sup>, tọa lạc tại khóm 6, phường 8, thành phố Cà Mau, được Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 05/7/2001 do ông Nguyễn Thái H đứng tên. Ngày 09/10/2008 Ông H và bà T đã chuyển nhượng cho người khác một phần với diện tích 9.078,31m<sup>2</sup> (trong đó 987m<sup>2</sup> đất vườn; 8.091,31m<sup>2</sup> đất nuôi trồng thủy sản), diện tích đất còn lại theo giấy là 9.902,69m<sup>2</sup> (trong đó 300m<sup>2</sup> đất ở; 1.924m<sup>2</sup> đất vườn; 7.678,69m<sup>2</sup> đất nuôi trồng thủy sản). Ngày 10/02/2020 ông Nguyễn Thái H chết, ngoài phần đất phần diện tích 9.902,69m<sup>2</sup> thì Ông H không để lại di sản nào khác, phần đất trên do bà T quản lý, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà T giữ.

Do Ông H chết mà không để lại di chúc, gia đình không tự phân chia di sản thừa kế được, vì vậy bà T yêu cầu được nhận ½ diện tích đất là tài sản chung giữa bà T với Ông H, ½ diện tích còn lại yêu cầu phân chia theo quy định của pháp luật, bà T yêu cầu nhận theo hiện vật, ngoài ra bà T không yêu cầu gì khác.

- *Bị đơn mặt dù đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng vắng mặt không lý do, mặt khác quá trình giải quyết vụ án bị đơn cũng không gửi Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:*

Anh Nguyễn Thái T1, chị Nguyễn Hồng T2, anh Nguyễn Thái T3 thừa nhận lời trình bày của nguyên đơn là đúng, không bổ sung gì thêm. Anh T1, chị T2, anh T3 đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn. Anh T1, chị T2, anh T3 yêu cầu được nhận thừa kế theo quy định pháp luật. Khi được phân chia thừa kế, anh T3 tự nguyện tặng cho lại bà T. Ngoài ra các đương sự không yêu cầu gì khác.

Chị Nguyễn Thị T5, chị Nguyễn Thị O, anh Đặng Ngọc N trình bày các anh chị không có quyền lợi gì trong vụ án vì vậy nên yêu cầu xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật, không vi phạm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Đối với kỹ phần thừa kế của anh Tài, do anh Tài chưa yêu cầu được phân chia nên tạm giao cho bà T tiếp tục quản lý, nếu anh Tài có yêu cầu được phân chia mà không tự thỏa thuận giải quyết được sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác. Án phí các đương sự phải chịu theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiêm cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp được xác định là tranh chấp chia tài sản chung, chia thừa kế quyền sử dụng đất, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

[2] Quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị T5, chị Nguyễn Thị O, anh Đặng Ngọc N có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Thái T4 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt mà không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với các đương sự trên.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các đương sự thừa nhận Ông H với bà T có tất cả bốn người con gồm: Nguyễn Thái T1, Nguyễn Hồng T2, Nguyễn Thái T4, Nguyễn Thái T3. Ông H và bà T không có con nuôi, cha mẹ Ông H đều đã chết. Trong thời gian chung sống với nhau, Ông H và bà T cùng tạo lập được phần đất diện tích 18.981m<sup>2</sup>, tọa lạc tại khóm 6, phường 8, thành phố Cà Mau, được Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 05/7/2001 do ông Nguyễn Thái H đứng tên, ngoài tài sản trên thì không còn tài sản nào khác. Ngày 09/10/2008 Ông H và bà T đã chuyển nhượng lại cho ông Trần Văn Q phần đất diện tích 9.078,31m<sup>2</sup> (trong đó 987m<sup>2</sup> đất vườn; 8.091,31m<sup>2</sup> đất nuôi trồng thủy sản), diện tích đất còn lại theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện là 9.902,69m<sup>2</sup> (trong đó 300m<sup>2</sup> đất ở; 1.924m<sup>2</sup> đất vườn; 7.678,69m<sup>2</sup> đất nuôi trồng thủy sản) thuộc thửa số 16 và 30 tờ bản đồ số 34 (nay thửa số 16 tờ bản đồ 34 là thửa số 73 tờ bản đồ số 05). Theo kết quả đo đạc ngày 14/6/2022 thì diện tích đất thực tế là 10.272,3m<sup>2</sup> (trong đó 300m<sup>2</sup> đất ở; 1.924m<sup>2</sup> đất vườn; 8.048,3m<sup>2</sup> đất nuôi trồng thủy sản), các đương sự đều xác định

đây là tài sản chung giữa bà T với Ông H. Căn cứ Điều 33, 66 Luật hôn nhân và gia đình, có cơ sở kết luận phần đất diện tích thực tế 10.272,3m<sup>2</sup> là tài sản chung giữa bà T với Ông H, như vậy bà T yêu cầu được nhận ½ diện tích đất thực tế bằng 5.136,15m<sup>2</sup> (trong đó 150m<sup>2</sup> đất ở; 962m<sup>2</sup> đất vườn; 4.024,15m<sup>2</sup> đất nuôi trồng thủy sản) là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Ngày 10/02/2020 ông Nguyễn Thái H chết không để lại di chúc, di sản thừa kế của Ông H để lại các đương sự xác định là phần đất diện tích 5.136,15m<sup>2</sup> (trong đó 150m<sup>2</sup> đất ở; 962m<sup>2</sup> đất vườn; 4.024,15m<sup>2</sup> đất nuôi trồng thủy sản) do bà T quản lý. Do gia đình không tự phân chia di sản thừa kế của Ông H được, nên bà T và anh T3, anh T1, chị T2 yêu cầu phân chia di sản thừa kế theo pháp luật, mỗi người yêu cầu được nhận một kỷ phần thừa kế của Ông H là phần đất có diện tích 1.027,23m<sup>2</sup> (trong đó 30m<sup>2</sup> đất ở; 192,4m<sup>2</sup> đất vườn; 804,83m<sup>2</sup> đất nuôi trồng thủy sản) xét thấy là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Tại phiên tòa, anh T3 tặng cho lại bà T toàn bộ diện tích đất 1.027,23m<sup>2</sup> (trong đó 30m<sup>2</sup> đất ở; 192,4m<sup>2</sup> đất vườn; 804,83m<sup>2</sup> đất nuôi trồng thủy sản) là kỷ phần anh T3 được nhận. Chị T2 yêu cầu nhận phần đất diện tích 914,1m<sup>2</sup>, anh T1 yêu cầu được nhận phần đất diện tích 935m<sup>2</sup>, phần diện tích đất nuôi trồng thủy sản được nhận chênh lệch so với kỷ phần thừa kế thì chị T2, anh T1 tặng cho lại bà T, cụ thể chị T2 tặng cho lại bà T 113,13m<sup>2</sup>, anh T1 tặng cho lại bà T 92,23m<sup>2</sup>. Xét thấy việc anh T3, chị T2, anh T1 là tự nguyện tặng cho bà T phần diện tích đất như đã nêu là tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Đối với một kỷ phần thừa kế còn lại 1.027,23m<sup>2</sup> (trong đó 30m<sup>2</sup> đất ở; 192,4m<sup>2</sup> đất vườn; 804,83m<sup>2</sup> đất nuôi trồng thủy sản) quá trình giải quyết vụ án anh Tài không ý kiến được nhận hay không nhận di sản của Ông H, do đó tạm giao kỷ phần này cho bà T tiếp tục quản lý, nếu sau này anh Tài có yêu cầu được phân chia mà các đương sự không thỏa thuận được, anh Tài được yêu cầu khởi kiện bằng vụ kiện khác.

[7] Về chi phí tố tụng các đương sự không đặt ra nghĩa vụ hoàn trả nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Án phí dân sự các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật. (Giá đất xác định theo Quyết định số 41/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh C, cụ thể. Đất ở: 1.050.000đ/m<sup>2</sup>; Đất vườn: 170.000đ/m<sup>2</sup>; Đất nuôi trồng thủy sản: 100.000đ/m<sup>2</sup>).

[9] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 612, 620, 623, 649, 650, 651 Bộ Luật Dân sự;

Áp dụng các Điều 33, 66 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 12, 26 và 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

*Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T và yêu cầu độc lập của anh Nguyễn Thái T1, chị Nguyễn Hồng T2, anh Nguyễn Thái T3.

Anh Nguyễn Thái T1 được nhận phần đất diện tích 1.027,23m<sup>2</sup> (trong đó 30m<sup>2</sup> đất ở; 192,4m<sup>2</sup> đất vườn; 804,83m<sup>2</sup> đất nuôi trồng thủy sản). Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Thái T1 về việc tặng cho bà Lê Thị T diện tích 92,23m<sup>2</sup> đất nuôi trồng thủy sản. Diện tích đất còn lại anh Nguyễn Thái T1 nhận là 935m<sup>2</sup> (trong đó 30m<sup>2</sup> đất ở; 192,4m<sup>2</sup> đất vườn; 712,6m<sup>2</sup> đất nuôi trồng thủy sản), được xác định giới hạn bởi các điểm M7M8M22M23 và M14M15M18M19 theo bản vẽ hiện trạng ngày 14/6/2022 của Trung tâm kỹ thuật – Công nghệ - Quan trắc tài nguyên và môi trường thuộc Sở tài nguyên và môi trường tỉnh C.

Chị Nguyễn Hồng T2 được nhận phần đất với diện tích 1.027,23m<sup>2</sup> (trong đó 30m<sup>2</sup> đất ở; 192,4m<sup>2</sup> đất vườn; 804,83m<sup>2</sup> đất nuôi trồng thủy sản). Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Hồng T2 về việc tặng cho bà Lê Thị T diện tích 113,13m<sup>2</sup> đất nuôi trồng thủy sản. Diện tích đất còn lại chị Nguyễn Hồng T2 nhận là 914,1m<sup>2</sup> (trong đó 30m<sup>2</sup> đất ở; 192,4m<sup>2</sup> đất vườn; 691,7m<sup>2</sup> đất nuôi trồng thủy sản), được xác định giới hạn bởi các điểm M6M7M23M24 và M15M16M17M18 theo bản vẽ hiện trạng ngày 14/6/2022 của Trung tâm kỹ thuật – Công nghệ - Quan trắc tài nguyên và môi trường thuộc Sở tài nguyên và môi trường tỉnh C.

Anh Nguyễn Thái T3 được nhận phần đất diện tích 1.027,23m<sup>2</sup> (trong đó 30m<sup>2</sup> đất ở; 192,4m<sup>2</sup> đất vườn; 804,83m<sup>2</sup> đất nuôi trồng thủy sản). Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Thái T3 về việc tặng cho bà Lê Thị T toàn bộ phần đất diện tích 1.027,23m<sup>2</sup> (trong đó 30m<sup>2</sup> đất ở; 192,4m<sup>2</sup> đất vườn; 804,83m<sup>2</sup> đất nuôi trồng thủy sản).

Bà Lê Thị T được nhận phần đất diện tích 6.368,74m<sup>2</sup> (trong đó 180m<sup>2</sup> đất ở; 1.154,4m<sup>2</sup> đất vườn; 5.034,34m<sup>2</sup> đất nuôi trồng thủy sản).

Tạm giao một kỷ phần thừa kế có diện tích 1.027,23m<sup>2</sup> (trong đó 30m<sup>2</sup> đất ở; 192,4m<sup>2</sup> đất vườn; 804,83m<sup>2</sup> đất nuôi trồng thủy sản) cho bà Lê Thị T tiếp tục quản lý.

*(Kèm theo bản vẽ hiện trạng ngày 14/6/2022 của Trung tâm kỹ thuật – Công nghệ - Quan trắc tài nguyên và môi trường thuộc Sở tài nguyên và môi trường tỉnh C).*

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị T được miễn nộp án phí.

Anh Nguyễn Thái T1 phải chịu án phí 7.234.000 đồng. Ngày 21/02/2022 anh T1 đã dự nộp 2.475.000 đồng theo biên lai số 0000872 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố C nên đối trừ, anh T1 phải nộp tiếp 4.759.000 đồng.

Chị Nguyễn Hồng T2 phải chịu án phí 7.234.000 đồng. Ngày 21/02/2022 chị T2 đã dự nộp 2.475.000 đồng theo biên lai số 0000870 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố C nên đối trừ, chị T2 phải nộp tiếp 4.759.000 đồng.

Anh Nguyễn Thái T3 phải chịu án phí 7.234.000 đồng. Ngày 21/02/2022 anh T3 đã dự nộp 2.475.000 đồng theo biên lai số 0000871 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố C nên đối trừ, anh T3 phải nộp tiếp 4.759.000 đồng.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau
- VKSND thành phố Cà Mau
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu án văn
- Lưu TM (TANDTPCM)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**  
(Đã ký)

**Phạm Việt Trung**